

TÁC ĐỘNG CỦA CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ ĐỜI SỐNG DÂN CƯ ĐỊA PHƯƠNG TỈNH THÁI BÌNH

Vũ Thị Kim Anh^{1*}, Lê Thị Bích Phượng¹

¹*Trường Đại học Công đoàn*

* Email: kimanhvt@dhcd.edu.vn

Ngày nhận bài: 06/05/2022

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 06/06/2022

Ngày chấp nhận đăng: 15/07/2022

TÓM TẮT

Việc hình thành các khu công nghiệp đã tạo ra cơ hội phát triển công nghiệp và thực hiện công nghiệp hóa rút ngắn, bởi có thể kết hợp và học tập được những thành tựu mới nhất về khoa học công nghệ, về tổ chức và quản lý doanh nghiệp, đồng thời tranh thủ được nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài để phát triển. Trong thời gian qua, sự phát triển các khu công nghiệp ở các địa phương trong cả nước đã và đang có những tác động tích cực đến kinh tế – xã hội nhưng đồng thời cũng bộc lộ nhiều vấn đề tiêu cực về môi trường, thu nhập, dịch chuyển cơ cấu kinh tế, cơ sở hạ tầng... Bài viết tập trung đánh giá tác động của các khu công nghiệp đến người lao động và đời sống dân cư địa phương tỉnh Thái Bình, thông qua phân tích thống kê mô tả của phần mềm SPSS20 với 73 phiếu khảo sát gửi đến người lao động trong 6 khu công nghiệp của Thái Bình. Kết quả nghiên cứu đưa ra một số kiến nghị nhằm tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập và cải thiện cuộc sống cho người lao động trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Từ khóa: khu công nghiệp, người lao động, tác động, Thái Bình.

IMPACTS OF INDUSTRIAL ZONES ON WORKERS AND LOCAL PEOPLE'S LIFE IN THAI BINH PROVINCE

ABSTRACT

The formation of industrial zones has created opportunities for industrial development and shortened industrialization because it is possible to combine and learn the latest achievements in science and technology, business organization and management; at the same time, utilizes foreign investment capital for development. Since the past time, not only has the development of industrial zones in localities throughout the country had positive impacts on socio-economic but also revealed many negative problems in environment, income, epidemic, economic restructuring, infrastructure, etc. Therefore, the purpose of the study is to assess the impacts of industrial zones on workers and local people's living in Thai Binh province by using methods of analysis, statistics, and synthesis of SPSS20 software with 73 questionnaires sent to workers in 6 industrial zones of Thai Binh. The research results propose some recommendations to create stable jobs, increase incomes and improve the lives of workers in Thai Binh province.

Keywords: impact, industrial zones, Thai Binh province, workers.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự ra đời và phát triển của khu công nghiệp (KCN) ở các nước đang phát triển là đòi hỏi tất yếu khách quan của quá trình phát triển kinh tế – xã hội (KTXH), đặc biệt là từ yêu cầu của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và xu thế hội nhập kinh tế quốc tế (Benacek & Visek, 1999; Robert, 2004). KCN không chỉ có những đóng góp trực tiếp cho nền kinh tế mà còn có tác động lan tỏa đến các yếu tố khác của nền kinh tế như: kích thích thu hút nguồn lực đầu tư trong nước, tăng sức cạnh tranh, đổi mới và chuyển giao công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất, phát triển công nghiệp phụ trợ, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp trong nước từng bước tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất toàn cầu (Deutz và cs., 2007; Nguyễn Trung Kiên, 2016). Tuy nhiên, khi xây dựng các KCN của cả nước nói chung và trên địa bàn tỉnh Thái Bình nói riêng, một lượng lớn diện tích đất nông nghiệp, đất thổ cư của người dân bị thu hồi. Kết quả là một lượng lớn lao động đang làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp sẽ phải chuyển đổi công việc, các hộ gia đình phải chuyển đổi phương thức sinh kế của mình (Vũ Thị Kim Anh & Hoàng Thị Việt Hà, 2019). Để chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, đưa Thái Bình trở thành một tỉnh công nghiệp thì Thái Bình cần tập trung phát triển các khu, cụm công nghiệp và làng nghề để tạo bước đột phá tăng trưởng kinh tế. Do đó, Thái Bình cần phải nghiên cứu và phân tích, đánh giá toàn diện một cách khách quan, có hệ thống tác động của các KCN đến phát triển KTXH của tỉnh trong thời gian. Từ đó, có sự điều chỉnh cơ chế chính sách, chiến lược và các giải pháp phù hợp đối với các KCN một cách đồng bộ;

nhằm khai thác và sử dụng các nguồn lực của tỉnh hiệu quả nhất cho mục tiêu đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế của Thái Bình theo hướng phát triển nhanh, bền vững, thực hiện thành công chiến lược phát triển KTXH của tỉnh trong tương lai. Chính vì vậy, bài viết sẽ nghiên cứu tác động của các KCN đến người lao động (NLD) và đời sống dân cư địa phương tỉnh Thái Bình.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cách tiếp cận nghiên cứu: Bài viết sử dụng cách tiếp cận nghiên cứu theo hệ thống để đánh giá tác động của KCN đến NLD và đời sống dân cư địa phương tỉnh Thái Bình trên ba khía cạnh: kinh tế, xã hội, môi trường. Quá trình nghiên cứu có sự tham gia, trao đổi, điều tra các hộ gia đình nhằm thu thập, kiểm định và đánh giá những tác động của KCN đến NLD và đời sống dân cư địa phương. Vì vậy, bài viết cũng sử dụng cách tiếp cận có sự tham gia của bên liên quan.

Nguồn dữ liệu sử dụng:

Đối với dữ liệu thứ cấp: Sử dụng các dữ liệu được thu thập từ các báo cáo tổng kết, sơ kết của UBND tỉnh, huyện, xã thuộc tỉnh Thái Bình; báo cáo của Ban quản lý các KCN tỉnh Thái Bình; niên giám thống kê tỉnh Thái Bình. Các thông tin được thu thập từ nguồn dữ liệu này bao gồm: các thông tin về thực trạng KTXH của tỉnh Thái Bình: về kinh tế (cơ cấu kinh tế, thu nhập và đời sống dân cư địa phương, cơ sở hạ tầng; tăng trưởng kinh tế); về xã hội (lao động và việc làm, y tế, giáo dục; vấn đề quan hệ xã hội, văn hóa và an ninh trật tự ở địa phương); về môi trường (môi trường đất, môi trường nước, môi trường không khí).

Bảng 1. Phân loại người lao động được khảo sát

Giới tính	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Quê quán	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Nam	17	23,3	Trong tỉnh	18	24,7
Nữ	56	76,7	Ngoài tỉnh	55	75,3
Tổng	73	100,0	Tổng	73	100,0

Bảng 2. Phân phối địa bàn chọn mẫu

Khu công nghiệp	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Nguyễn Đức Cảnh	4	5,5
Phúc Khánh	4	5,5
Gia Lễ	25	34,2
Tiền Hải	20	27,4
Cầu Ngành	15	20,5
Sông Trà	5	6,8
Tổng	73	100,0

Đối với dữ liệu sơ cấp: Để đánh giá tác động của các KCN đến NLĐ và đời sống dân cư địa phương, bài viết lựa chọn phương pháp có sự tham gia của người dân và các bên liên quan để thực hiện đánh giá khách quan các tác động KTXH của các KCN ở tỉnh Thái Bình đến các đối tượng chịu tác động trực tiếp là NLĐ đang trực tiếp làm việc trong các KCN. Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát thông qua bảng hỏi đối với 100 NLĐ đang trực tiếp làm việc tại các KCN trong tháng 1 năm 2022. Những đánh giá của NLĐ qua bảng hỏi được thiết kế theo thang điểm từ 1 – 5, trong đó: 1 – Rất không đồng ý và 5 – Rất đồng ý. Kết quả thu về được 73 phiếu hợp lệ; sau đó được xử lý, phân tích, cho thấy những phát hiện chính về tác động tích cực và tác động tiêu cực của KCN đến NLĐ như Bảng 1 và Bảng 2.

Phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu:

Các số liệu sau khi được thu thập sẽ được tác giả xử lý, làm sạch, nhập dữ liệu và mã hóa dữ liệu vào file Excel, sau đó sử dụng phương pháp thống kê mô tả (Descriptive statistics) của phần mềm SPSS20 để xác định mức bình quân cũng như độ lệch chuẩn của các đối tượng khảo sát.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Hiện nay, trong tổng số 10 KCN quy hoạch, Thái Bình có 6 KCN đang hoạt động là: KCN Phúc Khánh, KCN Nguyễn Đức Cảnh, KCN Tiền Hải, KCN Gia Lễ, KCN Cầu Ngành và KCN Sông Trà. Sự hình thành và phát triển các KCN đã tác động đến việc phát triển KTXH tại địa phương. Các tác

động này có thể là tác động tích cực hoặc tiêu cực tùy thuộc vào từng yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường bị tác động, từng địa phương khác nhau, khả năng thích ứng của người dân và chính quyền địa phương, các biện pháp quản lý của chính quyền... Việc tác động của các KCN đến phát triển KTXH được thực hiện thông qua nhiều kênh khác nhau. Nhưng quan trọng nhất và rõ nhất chính là thông qua các kênh như: kênh kinh tế (tạo động lực kinh tế), kênh xã hội (tạo cơ hội việc làm) và kênh môi trường (tạo điều kiện để bảo vệ môi trường). Đây cũng chính là các yếu tố chịu sự tác động của KCN.

Việc nghiên cứu tác động của các KCN đến phát triển KTXH có vai trò và ý nghĩa quan trọng đối với việc đề xuất các chính sách phát triển KCN cũng như đề xuất các chính sách phát triển KTXH địa phương, đặc biệt là những nơi có KCN. Việc nghiên cứu tác động của các KCN đến phát triển KTXH không chỉ xác định được những yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường bị tác động mà còn chỉ ra chiều hướng tác động (tích cực hay tiêu cực), mức độ tác động (lớn hay nhỏ) và lượng hóa mức độ tác động đó. Trên cơ sở đó, giúp đề xuất những giải pháp nhằm phát huy các tác động tích cực, đồng thời hạn chế các tác động tiêu cực để các địa phương phát triển bền vững.

Mặt khác, như đã phân tích ở trên, với cùng một yếu tố gây tác động, nhưng ở vùng này có thể tạo ra những tác động tích cực còn ở vùng khác lại gây ra những tác động tiêu cực. Việc nghiên cứu tác động của các KCN đến phát triển KTXH sẽ chỉ ra cơ chế gây tác động, cũng như cơ chế nào sẽ tạo ra tác động tích cực, cơ chế nào sẽ tạo ra tác động tiêu cực; từ đó, giúp đề xuất các giải pháp nhằm phát huy các tác động tích cực và hạn chế các tác động tiêu cực từ việc phát triển KCN đến KTXH của địa phương.

Tác động của các KCN đến phát triển KTXH là những thay đổi của địa phương do sự hình thành và phát triển các KCN gây ra. Tác động của các KCN đến NLĐ và đời sống dân cư địa phương bao gồm: tác động đến thu nhập và mức sống của người dân địa phương; tác động đến lao động và việc làm ở địa

phương; tác động đến văn hóa nông thôn; tác động đến giáo dục và đào tạo ở nông thôn; tác động đến y tế – sức khỏe của người dân ở địa phương; tác động đến mức độ ô nhiễm do bụi, chất thải rắn từ hoạt động công nghiệp do các KCN thải ra...

3.1. Tác động tích cực của các khu công nghiệp đến người lao động và đời sống dân cư địa phương

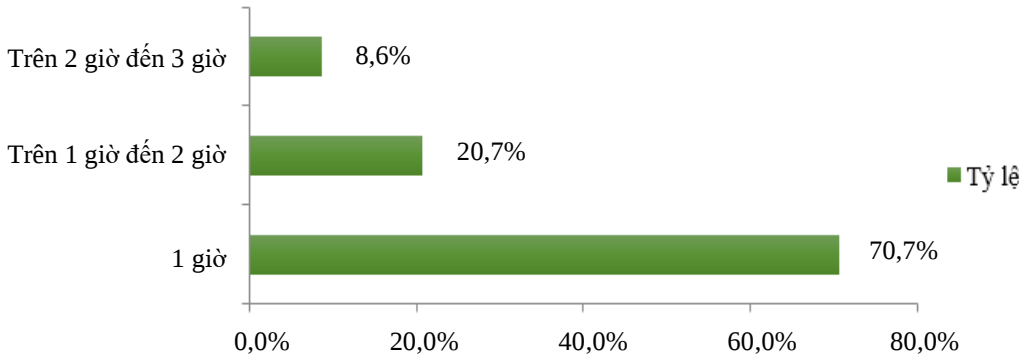
Thứ nhất: KCN góp phần giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động trong quá trình đô thị hóa tỉnh Thái Bình. Không thể phủ nhận sự ảnh hưởng to lớn và rõ ràng này đến cuộc sống của NLD, đặc biệt là với những lao động xuất thân từ việc làm nông nghiệp nay chuyển sang lao động sản xuất trong môi trường công nghiệp. Với kết quả khảo sát và đánh giá đối với NLD đang làm việc tại các KCN trên địa bàn tỉnh Thái Bình, có thể thấy, số giờ làm việc trong một ngày

của NLD chủ yếu dao động từ 8 – 10 giờ/ngày, chiếm 86,3%. Mức độ lao động này là cao và ổn định hơn hẳn so với việc làm nông nghiệp – vốn không có mức thời gian lao động hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng cụ thể và khoa học, khi vào những tháng mùa vụ, những thời điểm cần canh tác có thể phải làm liên tục từ sáng sớm đến tối muộn, qua thời điểm đó thì gần như không có việc để làm nếu như không làm thêm việc chăn nuôi, trồng xen canh. Kết quả khảo sát NLD tại một số KCN (Bảng 3) cho thấy, đa số NLD được khảo sát cho rằng việc hình thành các KCN đã thay đổi cơ cấu lao động tại địa phương và các khu vực lân cận: từ lao động trong nông nghiệp và các ngành nghề truyền thống chuyển sang lao động tại các KCN (Điểm trung bình = 4,08/5) và việc hình thành các KCN đã giúp giải quyết việc làm cho NLD tại địa phương và các khu vực lân cận (Điểm trung bình = 4,27/5).

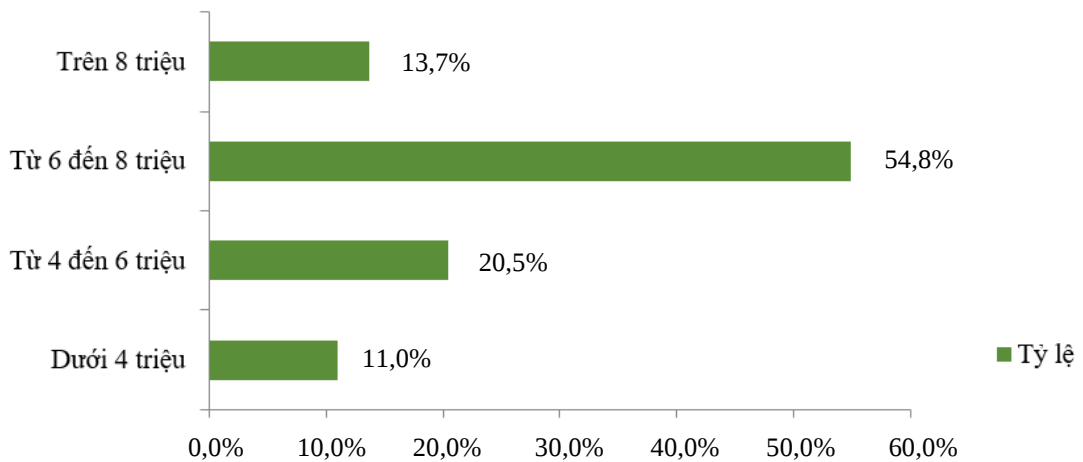
Bảng 3. Thống kê mô tả mức đánh giá tác động tích cực

Tiêu chí đánh giá	Số lượng	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
1 - Việc hình thành các KCN đã thay đổi cơ cấu lao động tại địa phương và các khu vực lân cận, lao động nông nghiệp và các ngành nghề truyền thống chuyển sang lao động tại các KCN	73	4,08	0,595
2 - Việc hình thành các KCN đã giải quyết việc làm cho NLD tại địa phương và các khu vực lân cận	73	4,27	0,712
3 - Các KCN góp phần làm tăng giờ làm cho NLD so với trước	73	3,55	0,646
4 - Các KCN góp phần tăng thu nhập cho NLD	73	3,82	0,770
5 - NLD được các doanh nghiệp trong KCN đóng bảo hiểm	73	3,29	0,656
6 - NLD được tiếp cận với môi trường làm việc chuyên nghiệp	73	3,90	0,690
7 - NLD được đào tạo, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp	73	3,82	0,586
8 - Các KCN đã góp phần nâng cao đời sống tinh thần của NLD và thay đổi môi trường sống tại địa phương (xây dựng nhà văn hóa, mở thêm trường học, bệnh viện, siêu thị,...)	73	3,95	0,664
9 - NLD được hưởng tiện ích tốt hơn về cơ sở hạ tầng giao thông vận tải, điện nước,...	73	4,16	0,373

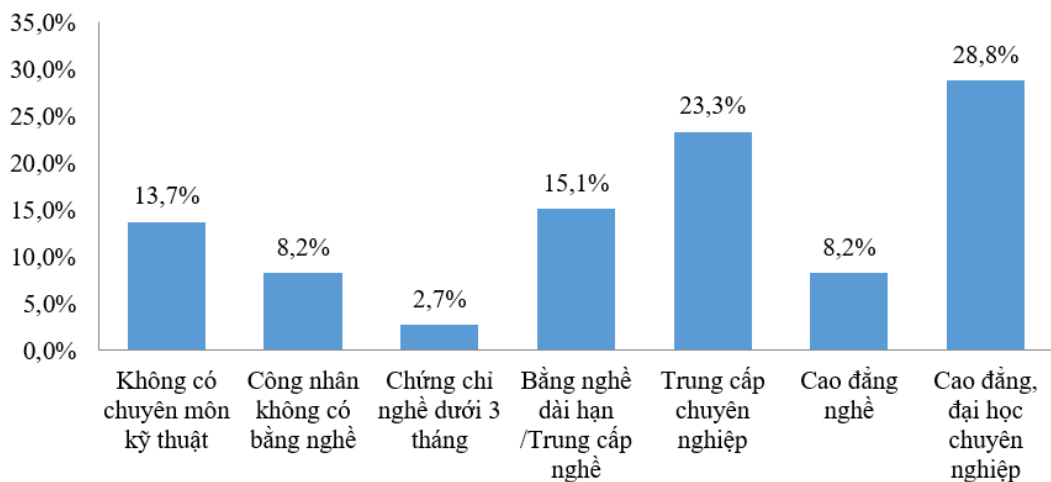
(Nguồn: Kết quả khảo sát)



(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Hình 1. Số giờ làm việc tăng thêm của người lao động trong ngày

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Hình 2. Thu nhập hằng tháng của người lao động

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Hình 3. Trình độ chuyên môn của người lao động

Thứ hai: Các KCN góp phần làm tăng giờ làm cho NLĐ so với trước. Công ăn việc làm được tạo thêm còn thể hiện qua số giờ làm việc tăng thêm. Đa số NLĐ được khảo sát cho rằng số giờ làm việc trung bình tăng lên khi KCN bắt đầu đi vào hoạt động (Điểm trung bình = 3,55/5). Số giờ tăng thêm được thể hiện theo Hình 1.

Thứ ba: KCN góp phần tăng thu nhập cho NLĐ và cải thiện cuộc sống. Chất lượng sống được cải thiện là một hệ quả đi cùng với việc thu nhập của NLĐ nói riêng cũng như người dân xung quanh khu vực có KCN được tăng lên. Phần lớn người dân đều cho rằng nhờ thu nhập từ những người thân trong gia đình đang làm việc tại KCN mà cuộc sống hằng ngày của họ cũng dần đầy đủ hơn. Nhiều gia đình đã tự mua sắm được các thiết bị điện tử hiện đại như tivi, tủ lạnh, máy giặt, xe máy... Phần lớn NLĐ được khảo sát có mức thu nhập hằng tháng từ 6 đến 8 triệu/tháng, chiếm 54,8% (Hình 2). Đa phần NLĐ cho rằng mức thu nhập như vậy đủ đáp ứng mức sống cơ bản (chiếm 60,3%); 16,4% cho rằng với mức thu nhập hiện tại, nếu tiết kiệm thì đủ đáp ứng; 13,7% cho rằng mức thu nhập này đáp ứng đủ và tích lũy được chút ít; số ít – 4,1% cho rằng mức thu nhập này hoàn toàn đáp ứng và có tích lũy; 5,5% cho rằng mức thu nhập hiện tại không đủ đáp ứng mức sống cơ bản.

Thứ tư: NLĐ được các doanh nghiệp trong KCN đóng bảo hiểm. Số liệu thống kê cũng cho thấy, các công ty trong KCN tuân thủ chế độ bảo hiểm cho công nhân khá tốt, 87,7% công nhân được tham gia bảo hiểm, số ít còn lại là lao động thời vụ nên chưa được đóng bảo hiểm. Chế độ bảo hiểm cho công nhân cũng đáp ứng kịp thời với tỷ lệ đồng ý là 89,1%. Công đoàn cũng đóng vai trò lớn trong các công ty, 83,6% công ty có tổ chức công đoàn.

Thứ năm: NLĐ được tiếp cận với môi trường làm việc chuyên nghiệp và được đào tạo, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp. Sự thay đổi trong nhận thức và tác phong làm việc của NLĐ tại các KCN của tỉnh Thái Bình là

khá tích cực. NLĐ Việt Nam có khả năng học hỏi và tiếp thu nhanh, nhanh chóng bắt kịp và hòa nhập với guồng quay làm việc và sản xuất công nghiệp luôn hối hả không ngừng. Công việc đảm nhận một vị trí với thao tác nhất định trong dây chuyền sản xuất không đòi hỏi trình độ cao ở công nhân. Vì vậy, trình độ của công nhân chủ yếu là tốt nghiệp trung học phổ thông – chiếm 95,67%, và trung học cơ sở – chiếm 4,33%. Về trình độ nghề chuyên môn, có tới 24,33% lao động không có trình độ chuyên môn, 8,67% công nhân lao động không có bằng hay chứng chỉ nghề, trình độ sơ cấp nghề chiếm 1,33%, trình độ bằng nghề dài hạn hoặc trung cấp nghề chiếm 6%, trình độ trung cấp chuyên nghiệp chiếm 1,5%, trình độ cao đẳng nghề chiếm 2,83%, trình độ cao đẳng chuyên nghiệp chiếm 24,83% và trình độ từ đại học trở lên chiếm 30,50% (Hình 3).

Thứ sáu: Các KCN đã góp phần nâng cao đời sống tinh thần của NLĐ và thay đổi môi trường sống tại địa phương (xây dựng nhà văn hóa, mở thêm trường học, bệnh viện, siêu thị, cửa hàng...). Theo kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu, số NLĐ đánh giá cao việc hình thành các KCN đã góp phần thúc đẩy phát triển hệ thống trường học, bệnh viện và các loại hình dịch vụ khác của địa phương với điểm trung bình là 3,95/5.

Thứ bảy: NLĐ được hưởng tiện ích tốt hơn về cơ sở hạ tầng giao thông vận tải, điện nước... Việc phát triển các KCN trên địa bàn tỉnh Thái Bình đã phần nào giúp cải thiện hệ thống đường sá, cơ sở hạ tầng ở địa phương. Các tuyến đường liên huyện, liên xã và các tuyến đường xung quanh KCN được xây mới và nâng cấp đã góp phần cải thiện đáng kể quy mô bê tông hóa đường sá ở khu vực nông thôn với những quy định cụ thể liên quan đến hạ tầng cơ sở quanh KCN và các tiện ích có liên quan như điện, nước, đường sá... Hầu hết NLĐ tham gia khảo sát đều đánh giá tích cực về khía cạnh này, họ cho rằng họ được hưởng lợi từ những tiện ích như hệ thống cấp điện, cấp nước, đường giao thông, thông tin liên lạc... với điểm trung bình được đánh giá là 4,16/5.

Bảng 4. Thống kê mô tả mức đánh giá tác động tiêu cực của KCN đến người lao động và đời sống dân cư địa phương

Tiêu chí đánh giá	Số lượng	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
1 - Việc xây dựng các KCN đã thu hồi đất đai của các hộ gia đình dẫn tới mất việc làm trong nông nghiệp	73	3,92	0,618
2 - Bị ảnh hưởng văn hóa khi lao động ở các vùng miền khác tham gia lao động tại các KCN ở địa phương	73	3,16	0,601
3 - Bị ảnh hưởng bởi các tệ nạn xã hội quanh KCN	73	3,79	0,552
4 - Bị ảnh hưởng môi trường khi có chất thải ở các KCN	73	4,01	0,540
5 - Bị ảnh hưởng môi trường sống khi trường học, bệnh viện và các dịch vụ khác chưa đáp ứng kịp với quy mô và tốc độ phát triển của các KCN	73	3,10	0,557
6 - Bị ảnh hưởng về giá sinh hoạt khi có nhiều lao động ở các vùng miền khác tham gia lao động tại các KCN ở địa phương	73	2,92	0,547

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

3.2. Tác động tiêu cực của các khu công nghiệp đến người lao động và đời sống dân cư địa phương

Thứ nhất: Việc xây dựng các KCN đã thu hồi đất đai của các hộ gia đình dẫn tới mất việc làm trong lao động nông nghiệp.

Quá trình thu hồi đất để xây dựng các KCN, một mặt mang lại những tác động tích cực, nhưng mặt khác cũng gây những ảnh hưởng tiêu cực đến cuộc sống của người dân. Mất đất sản xuất đồng nghĩa với mất việc làm, mất kế sinh nhai. Đa phần NLD đang làm việc trong KCN được khảo sát đều đồng ý (Điểm trung bình = 3,92/5) rằng khi bị mất đất, NLD đứng trước bốn lựa chọn: (1) Sử dụng khoản tiền đền bù để chuyển đổi sinh kế sang kinh doanh dịch vụ phục vụ cho nhu cầu của công nhân các nhà máy, xí nghiệp đóng trên địa bàn hoặc chuyển sang sản xuất tiểu thủ công nghiệp; (2) Học nghề để xin vào làm việc tại các doanh nghiệp trong KCN; (3) Rời quê lên các đô thị để tìm kiếm việc làm và (4) Chấp nhận thất nghiệp. Có thể thấy rằng, với hai sự lựa chọn đầu tiên, hộ gia đình có cơ hội duy trì được mức thu nhập cao hơn

và ổn định hơn so với sản xuất nông nghiệp. Lựa chọn thứ ba khiến cho thu nhập của các hộ bấp bênh, đồng thời NLD sẽ phải đối mặt với rủi ro của cuộc sống nơi đô thị và nguy cơ trở thành lao động bán thất nghiệp do công việc không ổn định. Lựa chọn thứ tư sẽ khiến cho NLD đối mặt với một cuộc sống khó khăn trong tương lai (Bảng 4).

Ngoài ra, việc thu hẹp quỹ đất sản xuất nông nghiệp cũng sẽ làm quy mô sản xuất nông nghiệp nhỏ lại, các tuyến đường liên huyện, xã gắn liền với việc mở rộng các KCN cũng sẽ chia cắt diện tích đất nông nghiệp vốn đã manh mún. Như đã phân tích ở phần trên, đất nông nghiệp bị thu hồi, những hộ gia đình sống chủ yếu bằng nghề nông sẽ bị ảnh hưởng đáng kể khi mất kế sinh nhai. Lao động trong nông nghiệp chủ yếu là lao động phổ thông, nếu không tự trang bị hoặc không được định hướng cụ thể cho đào tạo tay nghề thì rất dễ dẫn đến thất nghiệp hoặc làm những việc không có tính ổn định lâu dài.

Tác động này cũng dễ xảy ra với nhóm lao động trong độ tuổi tham gia lao động nông nghiệp trên 60 tuổi, khi chỉ quen với công việc

đồng áng. Do thiếu định hướng trong đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp và chuyển đổi sinh kế cho người dân nên không ít hộ gia đình đã sử dụng khoản tiền được đền bù do thu hồi đất vào việc xây dựng nhà cửa, mua sắm đồ đạc trong gia đình hoặc dùng để chi tiêu hết mà không sử dụng để đầu tư sản xuất kinh doanh với mục đích sinh lời.

Thứ hai: Bị ảnh hưởng văn hóa khi NLĐ các vùng miền khác tham gia lao động tại các KCN ở địa phương và gia tăng các tệ nạn xã hội quanh KCN.

Việc phát triển các KCN sẽ tạo điều kiện cho các tệ nạn ma túy, mại dâm, cờ bạc... gia tăng, gây nhiều bức xúc trong dư luận xã hội và nhân dân địa phương. Xét trên phạm vi toàn xã hội, ảnh hưởng này khó có thể gây nhiều biến động lớn nhưng đối với người dân thì nó gây ra không ít tác động tiêu cực. Chính bởi vậy, những đánh giá liên quan đến “Bị ảnh hưởng văn hóa khi lao động ở các vùng miền khác tham gia lao động tại các KCN ở địa phương” hay “Bị ảnh hưởng bởi các tệ nạn xã hội quanh KCN” cũng được đa số người dân tham gia khảo sát đồng tình, tương ứng với mức điểm trung bình lần lượt là 3,16/5 và 3,79/5. Bên cạnh đó, sự du nhập lối sống, văn hóa ở các vùng miền khác nhau đã làm cho một số truyền thống văn hóa của địa phương bị mai một dần, những nét đẹp truyền thống trong gia đình, họ hàng, làng xóm có phần bị tổn hại. Một bộ phận thanh thiếu niên tiếp thu nhanh xu thế hiện đại nên có những quan điểm đi ngược với thể hệ người cao tuổi đang cố giữ những giá trị văn hóa truyền thống dẫn đến nhiều mâu thuẫn. Nhiều hộ nông dân bị thu hồi đất sản xuất nông nghiệp dẫn đến không có việc làm, đổ xô ra thành phố và các khu đô thị lân cận kiếm việc làm, gây áp lực cho về nhà ở, việc làm, tệ nạn xã hội... cho những khu vực này. Chính tình trạng “nhàn cư vi bất thiện” đã khiến xuất hiện ở địa phương những tệ nạn xã hội như nghiện hút, cờ bạc, trộm cắp... đặc biệt nghiêm trọng đối với bộ phận tầng lớp thanh thiếu niên ăn chơi, đua đòi. Các

KCN là nơi tập trung nguồn lao động dồi dào với đủ thành phần đến từ nhiều địa phương khác nhau nên đã phát sinh không ít tệ nạn xã hội trong đời sống NLĐ.

Thứ ba: Tác động đến môi trường sinh thái, ảnh hưởng đến đời sống và sức khỏe của người dân địa phương. Sự phát triển của các KCN cũng có những tác động nhất định đến môi trường sinh thái, từ đó ảnh hưởng đến đời sống và sức khỏe của người dân ở địa phương. Quá trình hoạt động và phát triển của các KCN đang cho thấy nhiều dấu hiệu bất cập liên quan đến ô nhiễm không khí, tiếng ồn và ô nhiễm nguồn nước, rác thải. Tỷ lệ lấp đầy các KCN càng cao đồng nghĩa với việc xuất hiện ngày càng nhiều các doanh nghiệp, công ty trong KCN, song song với đó là lượng dân cư, NLĐ từ các nơi khác về đông đúc hơn. Ô nhiễm môi trường sống do nguồn nước thải, rác thải ngày càng nhiều, gây ô nhiễm cho môi trường, kìm hãm sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng, vật nuôi, ảnh hưởng đến năng suất cây trồng, vật nuôi. Bên cạnh đó, những mặt tiêu cực khác như tiếng ồn, chất độc hại thải ra môi trường... cũng gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường sống của người dân ở địa phương.

Sự tác động của các KCN đối với sự phát triển KTXH là một quá trình bao gồm cả những tác động tích cực và những tác động tiêu cực. Những hệ lụy về mặt kinh tế, xã hội và môi trường theo đó ngày một nhiều và được xem như là những “điểm nóng” mà địa phương phát triển các KCN cần chú trọng và kịp thời đưa ra các giải pháp để giải quyết những hệ lụy này.

3.3. Một số giải pháp

Việc phát triển các KCN ở địa phương đã làm cho một bộ phận người dân bị mất đất sản xuất, mất việc làm. Mặt khác, khi các KCN được xây dựng thì có một lượng lớn NLĐ ở nơi khác sẽ về làm việc tại KCN và sinh sống ở địa phương, từ đó kéo theo các nhu cầu về hàng hóa thiết yếu phục vụ cho cuộc sống hằng ngày tại địa phương tăng

cao. Để tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập cho người dân bị mất đất và lao động địa phương khi lấy đất xây dựng các KCN, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, đối với những NLD trên 35 tuổi hoặc không có khả năng chuyển đổi nghề nghiệp khi bị thu hồi đất, địa phương cần dành một phần diện tích đất gần các KCN cấp cho người dân để tổ chức các hoạt động dịch vụ như: xây dựng nhà ở cho thuê, mở cửa hàng bán tạp hóa, trông giữ trẻ, mở quán ăn, sửa chữa xe máy, xe đạp... phục vụ sinh hoạt cho các KCN. Đây chính là các loại hình dịch vụ ở các KCN trong cả nước đang thực hiện khá hiệu quả, vừa giải quyết việc làm, tạo thu nhập cho NLD nông thôn không có khả năng chuyển đổi nghề nghiệp làm công nhân KCN, đồng thời lại cung cấp các dịch vụ cho hoạt động của các KCN.

Hai là, hỗ trợ vốn và định hướng sử dụng vốn cho các hộ gia đình đầu tư sản xuất kinh doanh, chuyển đổi nghề nghiệp. Đối với những hộ gia đình có đất bị thu hồi, cần có những chính sách hỗ trợ về vốn giúp hộ gia đình chuyển đổi nghề nghiệp, ổn định cuộc sống và tăng thu nhập thông qua việc kêu gọi người dân góp vốn hoặc quyền sử dụng đất, vì khi tham gia góp vốn, NLD sẽ được ưu tiên hơn trong việc tuyển dụng vào làm việc trong các nhà máy, xí nghiệp mà họ góp vốn. Như vậy, cơ hội việc làm cho những người dân bị mất đất sẽ tăng lên. Có việc làm ổn định đồng nghĩa với việc sẽ có được một thu nhập ổn định trong tương lai. Việc góp vốn của người dân vào các nhà máy, xí nghiệp một mặt giúp tăng nguồn vốn kinh doanh cho các nhà máy, xí nghiệp đó, tạo điều kiện mở rộng quy mô sản xuất, tăng việc làm cho người dân địa phương. Mặt khác, việc góp vốn như vậy sẽ đảm bảo số tiền đền bù nhận được từ việc nhượng quyền sử dụng đất của người dân sẽ được đưa vào tái đầu tư một cách có hiệu quả và ổn định.

Ba là, phát triển các hoạt động đào tạo nghề và tạo việc làm cho lao động nông thôn. Trong điều kiện phát triển KCN, một phần

diện tích đất canh tác của các hộ gia đình ở nông thôn bị thu hồi, buộc lao động của hộ phải chuyển đổi nghề nghiệp. Tuy nhiên, người nông dân rất khó chuyển đổi nghề nghiệp. Vì vậy, chính quyền địa phương các cấp cần xây dựng chiến lược đào tạo việc làm cho NLD sau khi thu hồi đất trên cơ sở quy hoạch phát triển KTXH của địa phương và quy hoạch phát triển KCN. Ngoài ra, chính quyền địa phương và doanh nghiệp cần có chính sách hỗ trợ học phí đào tạo cho con em các gia đình trong diện bị thu hồi đất. Nguồn kinh phí lấy từ ngân sách địa phương, qua quỹ đào tạo, dạy nghề cho NLD và quỹ của các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng. Đồng thời, khuyến khích NLD tham gia vào các lớp đào tạo nghề ngắn hạn nhằm nâng cao tay nghề để họ có thể chuyển đổi nghề cũng như phát triển đa dạng các loại hình nghề nghiệp trên địa bàn các khu vực nông thôn thông qua các chương trình đào tạo nghề ngắn hạn trên địa bàn và có kế hoạch để những đối tượng được đào tạo nghề có thể tự mình phát triển.

Đối với những lao động đã quá tuổi lao động, không được nhận vào làm việc trong các doanh nghiệp, cần có những chính sách hỗ trợ, khuyến khích họ chuyển sang làm dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp như chính sách ưu đãi trong vay vốn, miễn giảm thuế, hỗ trợ tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm... Bên cạnh đó, cần chú trọng phát triển ngành nghề phi nông nghiệp nhằm tạo việc làm, tạo điều kiện cho các hộ gia đình bị mất đất nâng cao thu nhập và ổn định cuộc sống: (1) hỗ trợ các hộ dân phát triển các ngành nghề truyền thống ở địa phương như chế biến tinh dầu, sơ chế long nhãn, thủ công mỹ nghệ..., kết hợp với việc mở thêm các ngành nghề mới như: du lịch sinh thái, điện dân dụng... nhằm tạo thêm việc làm; (2) cấp đất ở những nơi thuận tiện như gần đường giao thông, gần khu đô thị, KCN, phù hợp với hoạt động kinh doanh, buôn bán cho những hộ dân bị thu hồi đất để họ chuyển đổi ngành nghề nhằm tạo việc làm và nâng cao thu nhập.

4. KẾT LUẬN

Phát triển các KCN là tất yếu khách quan nhằm đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa và thúc đẩy tăng trưởng KTXH địa phương. Thông qua phương pháp phân tích dữ liệu thống kê mô tả của NLD trong 6 KCN của Thái Bình, bài viết đã phân tích tác động tích cực và tiêu cực của phát triển KCN đến NLD và đời sống dân cư địa phương tỉnh Thái Bình trên các khía cạnh: kinh tế, xã hội, môi trường. Tuy nhiên, phát triển các KCN gắn với thực hiện các mục tiêu KTXH của tỉnh Thái Bình là một vấn đề lớn, đặt ra cho nhiều lĩnh vực cùng nghiên cứu dưới nhiều góc độ và có đối tượng khác nhau. Vì vậy, trong tương lai các hướng nghiên cứu cần được tiếp tục triển khai có thể là: hệ thống các chính sách về phát triển các KCN trước những yêu cầu mới về phát triển bền vững và dưới tác động đa chiều của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; hướng nghiên cứu về quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển KCN: Nhà nước, doanh nghiệp, người dân...; hướng nghiên cứu về các tổ chức chính trị xã hội trong các doanh nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Benacek, V., & Visek, J.A. (1999c). *The Determinants of FDI in the Czech Economy: The Robust Analysis Applied on Industrial Data of 1991-1997*. Charles University.
- Deutz, P., Lyons, D., L., Gibbs, D., & Jackson, T. (2007). Industrial Ecology and Regional Development, Progress in Industrial Ecology. *International Journal*, 4(3/4), 155-163.
- Nguyễn Trung Kiên. (2016). Phát triển bền vững khu công nghiệp – Góp phần phát triển nền kinh tế Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính – Kế toán*, Số 01(150).
- Robert, B., H. (2004). The Application of Industrial Ecology Principles and Planning Guidelines for the Development of Eco-Industrial Parks. *Journal of Cleaner Production*, 12(8-10). DOI: 10.1016/j.jclepro.2004.02.037.
- Vũ Thị Kim Anh & Hoàng Thị Việt Hà. (2019). *Đánh giá tác động của các khu công nghiệp đến phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Thái Bình*. Đề tài NCKH cấp tỉnh, Mã số: TB-CT/XH10/18.